TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 196/2024/DS-ST
Ngày: 17-4-2024
V/v tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tuấn Nhu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Hoàng Hà

2. Ông Võ Từ Xuân Anh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Vũ Thị Thu Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2024 về "Tranh chấp đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Đầu tư A; Trụ sở: Lô 9C đường Số 8, khu công nghiệp T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Việt H năm sinh 1974; Chức danh: Tổng giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Lê L, năm sinh 1981; Địa chỉ thường trú: Số 182/10b đường Q 3, xã X, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền theo giấy ủy quyền ngày 10 tháng 11 năm 2023. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Tuấn V năm sinh 1978; Địa chỉ thường trú: Số 229/17/51 đường X, Phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 10/11/2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư A và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa có ông Trần Lê L là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ông Nguyễn Tuấn V (viết tắt ông V) khi còn làm việc tại Công ty Cổ phần Đầu tư A (viết tắt Công ty) với vị trí nhân viên kinh doanh, đã thu tiền bán hàng từ khách hàng nhưng không nộp lại cho Công ty mà tự ý sử dụng vào mục đích cá nhân với số tiền 327.740.342 đồng. Sau khi bị phát hiện, ngày 23/9/2019 ông V làm đơn cam kết sẽ trả lại cho Công ty số tiền trên, cụ thể như sau: tháng 3/2020 trả 50.000.000 đồng; tháng 3/2021 trả 50.000.000 đồng; tháng 3/2022 trả 50.000.000 đồng; tháng 3/2023 trả 50.000.000 đồng; tháng 3/2024 trả 50.000.000 đồng và tháng 3/2025 trả 50.000.000 đồng. Ngày 11/11/2019 ông V trả được 150.000.000 đồng, số tiền còn lại ông V không thanh toán đúng như cam kết nên Công ty khởi kiện yêu cầu ông V trả số tiền còn nợ là 170.318.342 đồng và trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Tuấn V trình bày: Công ty cho rằng trong thời gian làm việc tại Công ty ông thu tiền của khách hàng rồi sử dụng cho việc cá nhân là không đúng nhưng ông xác nhận có làm thất thoát của Công ty số tiền 327.740.342 đồng nên ngày 23/9/2019 ông làm đơn cam kết sẽ trả số tiền trên, cụ thể như sau: tháng 3/2020 trả 50.000.000 đồng; tháng 3/2021 trả 50.000.000 đồng; tháng 3/2022 trả 50.000.000 đồng; tháng 3/2023 trả 50.000.000 đồng; tháng 3/2024 trả 50.000.000 đồng và tháng 3/2025 trả 50.000.000 đồng nhưng Công ty không đồng ý với phương án trên. Ngày 11/11/2019 ông trả được 150.000.000 đồng, số tiền còn lại do ông không có công việc ổn định nên ông chưa trả được cho Công ty. Nay ông xác định còn nợ của Công ty số tiền 170.318.342 đồng và yêu cầu được trả mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty yêu cầu ông V trả số tiền theo cam kết nên có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp về đòi tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông V hiện thực tế cư trú tại số 229/17/51 đường X, Phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Tân Bình có thẩm quyền giải quyết tranh chấp trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét đơn cam kết ngày 23/9/2019 của ông V tại thời điểm cam kết có đầy đủ năng lực pháp luật, trên nguyên tắc tự nguyện, không trái pháp luật và về hình thức, nội dung của văn bản phù hợp với quy định của pháp luật được quy định tại Điều 116, Điều 117 và Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Căn cứ vào đơn cam kết ngày 23/9/2019 của ông V thể hiện ông V có làm thất thoát của Công ty số tiền 327.740.342 đồng nhưng ngày 11/11/2019 ông V đã trả được 150.000.000 đồng và số tiền còn lại là 170.318.342 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông V cũng thừa nhận hiện còn thiếu của Công ty số tiền 170.318.342 đồng. Vì vậy Công ty khởi kiện yêu cầu ông V trả số tiền trên là có căn cứ.

[2.3] Xét về thời hạn trả nợ: Công ty yêu cầu ông V trả một lần số tiền trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ông V đồng ý trả số tiền trên nhưng yêu cầu được trả mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của ông V là không phù hợp và làm ảnh hưởng đến quyền và L ích hợp pháp của Công ty nên Công ty yêu cầu ông V trả một lần số tiền còn lại ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty, buộc ông V trả 170.318.342 đồng nên ông V phải chịu án phí trên số tiền phải trả. Án phí mà ông V phải chịu là 8.515.917 đồng theo khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Công ty được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 1 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 116, Điều 117 và Điều 119 của Bộ luật Dân sự 2015.

Áp dụng Luật phí, lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Đầu tư A

Buộc ông Nguyễn Tuấn V trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư A số tiền 170.318.342 (Một trăm bảy mươi triệu ba trăm mười tám nghìn ba trăm bốn mươi hai) đồng. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Tuấn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 8.515.917 (Tám triệu năm trăm mười lăm nghìn chín trăm mười bảy) đồng.

Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần Đầu tư A số tiền 4.257.959 (Bốn triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn chín trăm năm mươi chín) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số 0001107 ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Công ty Cổ phần Đầu tư A và ông Nguyễn Tuấn V được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục THA dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHAN - CHỦ TỌA PHIEN TOA

Võ Tuấn Nhu